**Anh Đức**

Bên dòng Hương

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Bên dòng Hương](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Anh Đức**

Bên dòng Hương

Nhờ các bạn văn nghệ Bình Trị Thiên có lòng yêu, cho xe vô tận Đà Nẵng để đón, nên chỉ non hai tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã ra tới Huế. Từ trên đỉnh đèo Hải Vân, ở chỗ giáp ranh hai tỉnh Quảng Đà - Bình Trị Thiên trở đi, mọi ý nghĩa của tôi đều hướng về mặt đất Huế mà tôi chưa từng đến. Trong buổi chiều mùa xuân nắng còn vương trên nhựng triền núi cao mây bay tợ khói và bên dưới là những ghềnh biển trắng xóa sóng trào, tôi nhận ra Huế trướt hết đến với tôi bởi Lăng Cô, một vùng biển lặng im, với một ngư thôn nằm trên doi cát ghếch mũi nhiều con thuyền. Vài làn khói ẩm màu lam lơ lửng bay lân từ những mái tranh mái ngói ló dạng dưới tre xanh. Tôi chợt nghe như có mùi tôm sò nướng tỏa thơm từ mâm nhà nào đó. Có tiếng trẻ cười nói bi bô với mẹ ở đâu đó, và những mũi thuyền còn ướt nước biển khơi kia dường như đang thở. Lòng tôi đằm thắm yên tĩnh lại trước cảnh sắc giống như tranh thủy mặc nơi thôn xóm địa đầu phía Nam Huế tràn ngập thanh bình, sau khi vừa hồi hộp vượt qua bao ngọn đèo hiểm của Hải Vân. Rồi khi Lăng Cô đã ở lại phía sau, nhìn bóng núi mây mờ mịt sương chiều, tôi bỗng nao lòng chạnh nghĩ tới chiến khu Thừa Thiên mà tôi ánh chừng là ở mạn ấy, nơi bao anh em đồng chí của tôi đã từng sống và chiến đấu trong những tháng năm gian lao cơ cực, có những buổi đói cơm, có những buổi sốt rét run người và có những chiều mưa tầm tã, y như chúng tôi đã trải qua ở những cánh rừng Nam.
Đêm đầu tiên ở Huế, chúng tôi thả bộ dài dài tới cầu Tràng Tiền, qua tả ngạn sông Hương, đi tới chợ Đông Ba và cầu Gia Hội, rồi lượt về ghé lại một quán giải khát bên sông. Anh bạn cùng đi, tuổi lớn hơn tôi chừng một con giáp, trước cách mạng đã từng ra Huế học, bảo tôi:
- Anh Đức nè, cứ nghĩ rằng đêm nay mình được ngủ ở Huế cũng đủ thấy khoái rồi, phải không?
Tôi gật đầu, cười. Quả tôi cũng có ý nghĩa giống như anh, chưa kịp thốt thì anh đã nói trước. Tất nhiên nỗi thích thú của anh có những khía cạnh khác. Anh có một Huế cách đây trên bốn mươi năm để đối chiếu, có bao nhiêu thứ của quá vãng để suy gẫm, bao gồm cả dư vị ngọt ngào của những mối tình. Còn tôi, tôi đến Huế tinh khôi, mới mẻ. Có điều, tất cả chúng tôi ai cũng khoan kháo, ai cũng yên trí bởi một niềm vui sướng chung là sau khi tham gia kháng chiến ở một vùng đất khác, hôm nay chúng tôi được tới một Huế đã gần tròn mười năm yên vũng.
Hồi chiều, các bạn ở Huế bảo ngày mai sẽ đưa chúng tôi đia xem đây đó, trước hết là xem lăng vua. Nhưng các bạn có nói là với thời gian chỉ có vài hôm của chúng tôi thì không nên xem hết cá Lăng mà chỉ nên xem một vài cái, ví dụ Lăng Tự Đức, hay thêm nữa là lăng Khải Định. Tôi đâu biết lăng nào rằng lăng tẩm vua cũng đáng nên coi lắm. Từ lâu rồi và ngay hôm nay đây khi tới Huế, tôi biết rằng chốn cố đô còn để lại nhiều cung điện, đàn miếu, lăng tẩm nhất nước này cách đây gần hai thế kỷ đã xảy ra một sự biến, từ đó đưa đất nước lâm vào một tai ương to lớn nhất. Tôi thường nghĩ tới buổi chiều Phú Xuân tháng chín năm 1792, buổi chiều cuối cùng của vua Quang Trung. Từ cái buồi chiều năm đó, vận nước bỗng ngoặt sang một nẻo khác, hết sức rủi ro, đầy thảm kịch, và thảm kịch kéo dài tới trên tám mươi năm mới bắt đầu được tháo gỡ, nhưng mãi cho tới mùa xuân 1975 thì mới được tháo gỡ hoàn toàn.
Tôi đến lăng Tự Đức vào buổi sáng. Bầu trời âm âm không có nắng. Vùng đồi Dương Xuân đắm mình trong làn sương mỏng. Buổi sớm đã rạng, nhưng làn sương ấy, tuy là rất mỏng, vẫn gieo cho tôi cái cảm giác ở trong cảnh nửa thực nửa ảo. Lăng Tự Đức không phơi bày ra hết, kể từ lúc đi qua cổng lăng, hầu như tôi chưa nhìn thấy gì. Khu lăng bộc lộ vẻ đẹp của mình một cách u uẩn và bất chợt. Đi tới đâu mới biết nó đẹp dần ra tới đó. Chỗ này ngó nhìn tỏ rõ, nhưng chỗ nọ lại còn bị khuất che. Và khi đi khắp lăng rồi tôi như vỡ nhẽ ra thêm về con người Tự Đức. Vị hoàng đến này thật là không đơn giản. Cần phải tìm hiểu suy nghĩ về ông vua ấy như tìm hiểu về sự ác và thiện, về tính độc đoán và nhu nhược, về nỗi hối hận còn giày vò nơi "Khiêm cung ký", tạo trên tấm bia bằng đá Thanh nặng nề to lớn kia với chính nét chữ đẹp đẽ bén sắc của mình. ở thành phố Hồ Chí Minh, nhà tôi ngụ trên con đường mang tên vua Tự Đức. Cho tới bây giờ, con đường này vẫn chưa đổi tên. Tôi nghĩ tên đường đó thế nào cũng phải đổi, bởi đầu hàng khi nào cũng là trọng tội, bất kể những lời biện giải trên bia, nhà vua có ý thanh minh về sự thất bại đó của mình, thậm chí đã nói là hãy để trời đất xét xử mình. Trời đất, dân tộc và lịch sử đã xét xử, và chắc chắn đã xét xử không sai. Nhưng vì ông vua thì vẫn là một con người cho nên tình huống nội tâm của con người nầy cứ khiến tôi vừa rảo bước trong lăng vừa phải suy ngẫm. Là người vẽ phác đường nét chính cho cái lăng của mình, Tự Đức ngoài tài thi ca văn học, còn bộc lộ tài năng kiến trúc xây dựng. Theo tôi, toàn bộ khu lăng nầy đã thể hiện chính con người Tự Đức. Vào khỏi cửa lăng, cảnh vật đền đài trong lăng hiện ra không bình thường. Lăng gây cho tôi ấn tượng không bằng phẳng và xuôi thuận. Trên đường ta đang đi, bỗng nhiên vòng lượn bất ngờ. Núi non đột khởi thình lình, hồ ao cũng hiện ra bất chợt. Thoạt tiên tôi ngỡ ngàng như bị đặt trong trạng thái bối cảnh mất cân đối, nhưng rồi liền đó được trả về trong sự hài hòa. Tựa như một bài thơ nửa chừng chuyển vận. Tựa như một khúc thiều đang êm trôi, bổng rét rắt, rồi biến tấu. Đây là nơi yên nghỉ của một ông vua, vậy mà tôi thấy ông vua dường như chưa được nghĩ yên, hãy còn khắc khoải trở trăn bên dưới mộ phần nặng trịch. Tự Đức ra lệnh xây lăng nầy cho mình khoảng trên mười năm trước khi chết. Trong mười năm sau cùng, Tự Đức đã về ở đó trong cảnh buồn chán, dằn vật của một ông vua đã dần dần để quân giặc lấy hết mảnh đất nầy tới mảnh đất khác của tổ tiên, sông núi. Để làm nên khu lăng con người từng biết đem xúc động đặt vào thơ văn, đã không hề tiếc xót mồ hôi xương máu của bá tánh, suốt bốn mươi năm ròng bắt dân cật lực xây đắp bao đền đài đình tạ, bao cảnh trí để mình hưởng thụ, thưởng ngoạn trong lúc sống và dành luôn cho cõi thác. Tự Đức đặt tên cho lăng nầy là Khiêm lăng, nghĩa là cái lăng của lòng khiêm tốn, của sự nhún mình. Nhưng Tự Đức còn gọi công trình nầy là Vạn niên cơ, nghĩa là cái nền vững chắc hoài cả vạn năm. Trớ trêu thay giữa lúc đó nước còn đâu.
Trước giờ tôi vốn có thói quen hay mường tượng phác họa trong đầu mình diện mạo những con người mình chưa hề biết mặt, kể cả người sống lẫn người đã khuất, và hầu như tôi đều phác họa ra được hết, lẽ tất nhiên là theo sự hình dung chủ quan của mình. Vậy mà lần này đi giữa lăng, nhiều lần tôi cố vẽ ra diện mạo Tự Đức nhưng không sao vẽ nổi, trong khi đó lại có mựt vẻ mặt khác cứ hiện lên, mỗi lúc một rõ, mỗi lúc một lấn át, xóa đi những nét chấp vá mỏng manh của tôi về Tự Đức, để cuối cùng khuôn mặt đó hiện ra rỏ đến nỗi như đang đối diện cùng tôi. Đây là khuôn mặt của một thanh niên nho nhã nhưng cường tráng, mắt sáng quắc, vừa kiên nghị vừa hào hoa, với bờm tóc sãi bay trong giớ dữ. Đấy là Đoàn Trưng, người chủ súy hăm hai tuổi của cuộc khởi nghĩa Chày Vôi, người đã đưa binh lính dân phu từ chỗ xây lăng nầy về kinh thành để lật đổ Tự Đức. Suýt nữa thì Tự Đức đã bị lật nhào bởi chàng trai trẻ anh hùng ấy. Chỉ còn một khoảng cách ngắn ngủi nửa thôi, trên những phiến đá lát của Tử Cấm Thành dẫn tới cung Càn Thành mà Đoàn trưng đã không tới được. Mới biết, thời cơ thường diễn ra ngắn, rất ngắn, có khi chỉ trong gang tấc, là thế.
Hôm sau, chúng tôi vào thăm khu Đại Nội gồm Hoàng thành và Tử Cấm Thành. Khỏi phải nói, đây rõ ràng là nơi chốn các vua Nguyễn, khởi đầu là Gia Long, xây dựng cơ ngơi của mình một cách bề thế. Sau khi lấy lại được Phú Xuân, nhà vua đã từng bị Quang Trung đánh đuổi bôn tẩu khắp nơi, nay trở về. Công việc đầu tiên của ông vua ấy chưa phải là dựng nên cung điện, mà là báo thù. Tất cả những gì thuộc về Tây Sơn ở Huế đều bị thẳng tay triệt hạ. Y nói: "Trẫm vì chín đời mà báo thù". Sau khi giết sạch, phá sạch, y mới yên tâm lo củng cố vương nghiệp. Đất nước mới qua chiến tranh, lẽ ra phải nghĩ tới tình cảnh cơ cực của dân. Nhưng không nghĩ thế mà nghĩ ngược lại, chủ trương dân đã quen chịu mùi cơ cực thì cứ sẵn trới vơ vét luuôn. Sưu thuế và lao dịch tăng vọt lên gấp ba lần so với thời Tây Sơn. Gia Long bảo: "- Nay chinh chiến mới yên, người ta quen sự khó nhọc thời dễ khiến. Nếu để vài năm sau dân quen yên thời khó khiến mà oán lại dễ sinh!". Sự bóc lột vơ vét sát sạt đến nỗi trong bọn người tiếp tay, có một giáo sĩ Pháp tên là Ghêra đã buộc kêu lên: "- Gia Long bóp nận dân chúng bằng đủ mọi cách!". Sự bóp nặn ấy, ngoài mục đích xây dựng đời sống xa hoa lạc thú và cung đốn cho bộ máy bảo vệ vương quyền của mình, Gia Long còn muốn tạo ra cho người dân quen nếp cam chịu kiếp sống ngựa trâu. Trước mắt tôi hôm nay, những đền đài cung điện còn lại trong hoàng thành Huế chính là những thứ đã được tạo dựng nên bằng của cải, mồ hôi, xương máu, nhờ vào sự bóp nặn ráo riết ấy. Đi xem khu Đại Nội Huế, kể từ lúc bước qua Ngọ Môn, tôi mang trong lòng hai thứ tình cảm đối nghịch: lòng căm ghèt cùng nỗi thán phục, xót thương. Căm ghét các vua Nguyễn ham muốn cung vàng điện ngọc và xót thương thán phục quần chúng lao khổ đã dày công sáng tạo. ở giữa sự thúc bách bó buộc của vua chúa và công cuộc lao dịch khổ sai của nhân dân, vô tình đã để lại cho hậu thế những công trình kiến trúc có giá trị thẩm mỹ cao mà hôm nay ta có dịo ngắm nhìn. Điều này cáng cho thấy trong điều kiện lao động cưỡng bức mà nhân dân ta còn tạo nên được những công trình đẹp đẽ như thế thì với điều kiện lao động mang tính tự nguyện tự giác và quyền làm chủ tập thể được phát huy đúng nghĩa đúng mức trong thời đại mới hôm nay, lẽ nào chúng ta lại không làm nên được những công trình to lớn đẹp đẽ hơn?
Người bạn văn nghệ xứ Huế đưa chúng tôi đi ngày hôm ấy vẫn đều cắt nghĩa cho chúng tôi biết điều chất chứa nơi từng tảng đá tường thành, từng lầu gác, từng mái ngói hoàng lưu ly và thanh lưu ly, từng trang trí hình rồng và lá lật, kể cả cái điều rất lạ là cơ cấu kiến trúc Ngọ Môn, từ cục diện với tổng thể, từ chiều dài tới chiều ngang, từ thấp tới cao, vừa qua được nghiên cứu phát hiện ra nó phù hợp với tỉ lệ 1/1,618, tức con số vàng, cái tỷ lệ được coi là thể hiện sự hài hòa nhất của nghệ thuật kiến trúc.
Tất cả những điều đó từ đâu mà ra? từ vua chăng? Không, tôi cho rằng vua không có cái đó. Đây là trí thức, là tài nghệ của dân tộc ta thời đó. Tất cả những cái đó thuộc về công lao của quần chúng, bao gồm những hiệp thợ tài giòi nơi đất Thần Kinh nầy và khắp nước, kể cả một số viên quan. Ngước nhìn những rường, những cột bằng gỗ lim, gỗ kiền kiền được chạm trổ công phu xinh xảo, được ráp mộng khít khao tới hằng thế kỷ vẫn không nhót hở, tôi chợt nghĩ trong khi những người thợ vắt mình trên cao để tra mộng thì rất có thể khi ấy nhà vua đang ăn yến, nhưng vợ con của thợ thì đang đói. Cũng rất có thể giữa lúc người thợ ngửa mình nín thở nhích tới từng lưỡi đục trên thố gỗ thì nhà vua đang nằm sấp trên sập rồng cho mỹ nữ cung phi đấm bóp.
Từ Ngọ Môn dẫn tới điện Thái Hòa, tôi dừng lại giữa sân đại triều nghi, nơi xưa kia diễn ra những cuộc đại lễ và thiết triều lớn. Nghe bảo trong điện Thái Hòa chỉ có vui ngồi, cùng các hoàng thân và tứ trụ đại thần, còn tất cả bá quan văn võ đều phủ phục tại cái sân lộ thiên rộng mênh mông lát bằng những phiến đá Thanh màu xám nhạt này. Ai bẩm tâu lên vua điều gì đều không được trực tiếp mà phải chuyển đệ lên. Vua có ban lệnh gì thì trong điện truyền ra. Tôi đứng nhìn cái sân chầu rộng bát ngát, mỗi bên có một con nghê đồng như đứng canh, như để mắt coi có ông quan nào thất lễ hay rục rịch chuyện chi không. Giữa buổi sớm mùa xuân, tôi nghe hơi lạnh toát lên từ các phiến đá, nghĩ về các ông quan, thấy cuộc đời làm kẻ bầy tôi cho vua kể cũng cực khổ. Gặp buổi đông giá, sáng sớm các quan cứ mọp trên đá nầy phải nói là lạnh.
Qua khỏi sân chầu và điện Thái Hòa, tôi đứng lại coi hai chiếc vạc đồng đặt trước nhà Tả Vu và Hữu Vu. Đây là hai chiếc vạc trong số mười chiếc vạc ở Huế. Hai chiếc vạc nầy lớn nhất, nặng nhất và đẹp nhất, được chúa Nguyễn cho đúc, một chiếc đúc năm 1660, một chiếc đúc năm 1662. Rõ ràng ý nghĩa biểu trưng của những chiếc vạc đồng to lớn nầy thể hiện sức mạnh và sự bền vững cùa cơ nghiệp nhà Chúa, nhưng đồng thời cũng thể hiện sự trường tồn của đất nước. Công bằng mà xét, nơi vạc đồng này có cái riêng dính với cái chung, và điều đáng nghĩ, một lần nữa, lại phải nghĩ về công phu và tài năng của quần chúng, ở vào thời ấy, cách đây cỡ ba thế kỷ, người thợ đúc đồng Việt Nam đã đúc được những chiếc vạc uy nghiêm đường bệ như vậy.
Cách hai chiếc vạc đồng không xe, tôi đứng lặng trên một khoảng sân. Chỗ nầy không có cung vàng gác tía ao hồ đình tạ gì. Nói cho đúng, chỗ này tôi không còn để ý gì tới các thứ đó nữa. Tôi chỉ chăm chú cúi nhìn những phiến đá lát hình chữ nhật mà thôi. Khoảng sân lát đá nầy dẫn tới cung vua là cung Càn Thành. Cái khoảng cách ngắn ngủi trống trơ, vắng ngắt, tưởng chẳng có chi đáng nói, vậy mà bỗng dưng trong phút chốc đã dựng lên trước mắt tôi một cảnh tượng sống động và dữ dội, vang dậy tiếng hò la gào thét, tiếng va chạm rợn người của binh khí. Đấy là cảnh tượng cuộc hỗn chiến của Đoàn Trưng, hiện ra rõ tới nỗi tôi như ngó thấy Đoàn Trưng tả xung hữu đột giữa rừng gươm giáo của lớp lớp cấm vệ quân để rồi cuối cùng không vượt qua được quãng đường quyết liệt kia, và gã Hồ Oai là Chưởng Vệ doanh vừa bị toán binh phu khởi nghĩa chém cho sứt mất một tai bấy giờ lại xuất hiện cùng một lũ cấm vệ khác vây chặt lấy Đoàn Trưng,
Người Anh hùng trẻ tuổi ấy đã ngã xuống nơi đây. Tôi cố nhìn kỹ từng phiến đá, cố nhận ra coi trên đá có còn lại gì không, thậm chí có lúc tôi như chợt thấy những giọt máu. hưng sự thực không có gì hết. Giữa buổi sớm xuân này, đó chỉ là mặt đá xám nhẵn trơn bởi gió mưa năm tháng, mà đá thì lại lặng im. Chỉ có bầu trời xuân thanh bình trên đầu tôi, bầu trời Đại Nội, bầu trời Huế xanh trong hôm nay đang cất lên tiếng nói mà thôi. Nhưng như vậy cũng quá đủ cho tôi vui sướng nghĩ rằng Đoàn Trưng cùng những linh hồn phu binh Vạn Niên đã được vui thỏa.
Trước nhà Thế Miếu, nơi thờ các vua Nguyễn, có Cửu đỉnh nổi tiếng. ấy là chín chiếc đỉnh đồng lớn, hình dạng khác nhau, sức nặng cũng khác nhau. Từ lâu Cửu đỉnh được liệt vào một trong những công trình đúc đồng có giá trị của cả nước. Tôi đứng xem rất lâu từng chiếc đỉnh một, càng xem càng yêu mến khâm phục tài nghệ của những người thợ ở vào những thế kỷ trước. Điều đáng chú ý là trên đỉnh khắc chạm thật nhiều hình vẽ vừa mang tính hiện thực vừa mang tính biểu tượng về đất nước, về sản vật. Dù được biết các triều vua Nguyễn đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng, nhưng hôm nay đứng bên Cửu đỉnh, tôi thấy phải ghi nhận vua Minh Mệnh đã có công trong ý thức và sự đôn đốc chế ra Cửu đỉnh. Đành rằng công sức chính là của những người thợ, nhưng vua Minh Mệnh đã chỉ đạo khắc lên đó nhiều hình mà khi ngó vô, ta sẽ thấy ngoài động cơ vun vào vương nghiệp của mình, ông vua này còn nghĩ tới núi sông, thổ ngơi, sản vật. Trên các đỉnh có hình núi Ngự Bình, sông Hương, sông Tiền, sông Hởu, kênh Vĩnh Tế. Ngoài ra còn có bông lúa, trái xoài, trái măng cụt, con cá trê, con cá rô. Củ hành được khắc ở Cao đỉnh. Bụi hẹ được khắc vào Nhân đỉnh. Lá rau tía tô ở Dụ đỉnh, cây bông gòn ở Huyền đỉnh. Rồi còn các giống chim muông khác. Con chim trĩ được giữ lại hình nơi Cao đỉnh, thứ chim mà sách Lễ Ký - Thiên Nguyệt lệnh phép rằng: "Có lời đồn chim trỉ bay xuống biển hóa thành con sò". ở Tuyên đỉnh có hình chim anh vũ, giống chim mà Thiên Khúc lễ khách Lễ Ký bảo là có thể nói được như người. Chim vàng anh, cũng ở Tuyên đỉnh, thì Thiên Mao gia thi tả "Tiếng kêu của nó nghe tròn như tiếng dệt cửi".Trên Tuyên đỉnh còn có hình con chim yến. ấy là con yến cho yến sào, xây tổ trên các triền núi biển. Thiên nguyệt lệnh bảo đó là "con chim tháng giêng bay về, tháng tám bay đi". Tháng Tám buổi mạnh thu, nó bay trên ngọn sóng kiếm ăn, mãi tới tháng giêng lập xuân nó mới trở về tổ núi cố hương, nhả ra cái thứ nước dãi có mầu trong suốt hoặc đỏ như máu rất bổ dưỡng cho cơ thể con người. Hôm trước khi ra Huế, một người chuyên lấy thứ yến sào ấy ở Cù Lao Chàm gặp tôi trên phố cổ Hội An, kể với tôi rằng ông đã nhiều lần rình thấy con chim yến trong khi làm cái việc tiết ra chất nước dãi kỳ diệu kia bao giờ nó cũng đậu ngang, bám chân vô triền đá.
Những con cá đang bơi lội, những con chim đang xòe cánh bay và hình thể núi sông được tạc trên các đỉnh đồng bằng cái nghệ thuật chân chất mà xảo điệu, ngôn ngữ đồng lúc nổi lúc chìm, lúc nửa nổi nửa chìm đã đưa tới hiệu quả phản ánh đầy hiện thực và biểu cảm đất nước của chúng ta khi mở cỏi vồ Nam rồi chớ không dừng lại ở sông Gianh ở thành Động Hải. Chín chiếc đỉnh này đã níu giữ châ tôi, làm cho tôi mừng rỡ tự hào và ngờ ngợ thấy đó như là một thứ bách khoa toàn thư, thay vì vẽ in trên giấy, bàn tay thợ đã trỗ lên đồng.
Mấy ngày ở Huế, ngoài những cung điện, đền miếu của dòng vua Nguyễn để lại trong đó in đậm công sức lao động phi thường của quần chúng, tôi còn được dịp về tới một mảnh đất mang trong lòng nó những gì lớn hơn thế, quý hơn thế, mảnh đất đời đời ghi dấu những anh hùng, những nhân vật lỗi lạc tinh hoa và cả một nhân dân đã gian khổ hy sinh, chiến đấu oanh liệt, xứng đáng cùng cả nước. Đây mới chính là mảnh đã đem lại cho tôi nổi xúc động sâu xa hơn, khiến cho tôi nhìn Huế đẹp bởi một vẻ đẹp lớn tội hơn. Những nhân vật, những người con yêu ấy của Huế không để lại cung vàng gác tía gì như các vua Nguyễn, nhưng họ đã để lại cho Huế những gì còn kỳ vĩ hơn nhiều, hầu như vô hình nhưng lại rất hữu hình. Trong những ngày ở Huế, thú thật lòng tôi xúc động trước cái vô hình nhiều hơn là cái hữu hình.
Đây là bóng cờ Tây Sơn bay đỏ rợp cả ngọn núi Bân vào một sáng cuối năm cách đây gần hai thế kỷ, hôm nay vẫn còn đỏ rợp hồn tôi, và Nguyễn Huệ ba mươi lăm tuổi lên ngồi hoàng đế trong lễ đăng quang được tổ chức cùng một một lượt với lễ quân. Đứng bên đường ngó vô ngọn núi ba tầng ấy, tôi vẫn cứ thấy cảnh tượng hào hùng của đoàn quân đang trẩy, bụi tung mù mịt, rồi những con chiến mã cất cao vó, những con voi tận vươn vòi giữa sắc cờ đào phấp phới gió xuân.
Cái gì còn lại của mà tôi không thấy được bao nhiều bằng mắt đó tôi đã được dưỡng nuôi bằng một thứ tình cảm mới để được thấy trong nghĩ suy, tâm tưởng, và tôi luôn được nhuần gội mát tươi, dào dạt. Tại trường Quốc học Huế, mái tranh trường xưa không còn nữa, nhưng sao tôi vẫn thấy mái tranh đó, nơi có một con người vĩ đại đã từng đèn sách. Tôi tự hỏi quãng đường làng Dương Nổ đi tới đây bao xa?
Bác chúng ta hằng ngày đã đi bộ mấy lượt? Gốc cây nọc, mảnh vườn kia ở bên đường ngày ấy đã có hay chưa?. Rồi tôi nghĩ tới một chặng đừng dài hơn nữa, từ làng Sen vô Huế, hai cha con Bác phải đi bộ mất bao lâu? Tất cả tôi đều nghĩ ra, mường tượng ra giữa tôi đứng trên thềm nhà Quốc học. Cả lần đau đớn của đời Bác, khi mẹ mất, rồi em mất. Tự nhiên tôi thấy sự bảo tồn, sự gìn giữ tất cả mọi thứ đó, trên từng chỗ từng nơi hôm nay ta đúng thiệt là bức xúc, thiệt là cần thiết, như không khí ta cần có để thở vậy. Bởi vì tại chốn cố đô nầy, có những triều vua đã để cho nước mất, thì cũng chính tại đây có một con người đã từng sống đạm bạc, học hành buổi chiếu thời, về sau đã dắt dẫn cả một dân tộc vùng lên lấy lại được nước. Lịch sử vận động bất ngờ tới cái mức không có ai lường trước nổi, người học trò có dáng dấp thanh mảnh đó kể từ ngày đến Huế và rời Huế hầu như không để lại tăm hơi gì, thế mà bốn mươi năm sau bỗng dội vang trở lại Huế như một ánh hồi quang chói lọi nhất. Người học trò Quốc học Huế năm xưa ấy đã cử một phái bộ của nhà nước mới, nhà nước Cộng hòa dân chủ do mình đứng đầu vô Huế thu lấy ấn kiếm của ông vua Nguyễn bù nhìn cuối cùng rồi tuyên bố giải thể luôn chế độ quân chủ trên toàn đất nước.
Đó chẳng phải là trang sử đẹp đẽ lạ thường mà lịch sử ghi nhận được từ Huế hay sao? Giữa lòng dân Huế và triệu triệu lòng dân ta từ lâu đã dựng dậy một đài tưởng niệm vô hình nhưng lại có tầm cỡ vô song bất hủ, khiến cho mọi tấm bia vua còn lại ở Huế dù được dựng lên bằng những phiến đá Thanh nặng tới ngàn cân cũng chẳng thể sánh tày.
Đến Huế, tôi luôn luôn nhìn như vậy, thấy như vậy. Có chốn không còn lưu lại gì hoặc chỉ lưu lại những nét dáng đơn sơ nhưng lại có sức lay động lòng tôi. Tại xứ đất này đã sinh ra một vị đại tướng, là đồng chí Nguyễn Chí Thanh, nhà hoạt động quân sự và tư tưởng lỗi lạc của Đảng ta, được bầu vào Bộ Chính trị Trung ương Đảng lúc còn rất trẻ và những năm cuối đời là bí thư Trung ương Cục miền Nam, người đã từng lãnh đạo quân dân miền Nam đối đầu cứng rắn và chắc nịch trước cuộc đổ quân ồ ạt của hơn nửa triệu quân Mỹ vào nước ta và gọi thứ chiến tranh mở rộng ra đó của Mỹ chẳng qua là canh bạc lớn của kẻ khát nước, trước sau gì nó cũng cháy túi. Anh Thanh đảm đương trọng trách lớn, nhưng luôn quan tâm tới văn học. ở miền Bắc, anh thường đến Hội Nhà văn góp nhiều ý kiến. Vào Nam, anh đã hai lần sang Hội Văn nghệ giải phóng, ân cần chỉ bảo những người viết chúng tôi, vạch ra điều cốt lõi của sáng tác văn học cách mạng là phải mang khí thế tiến công cách mạng. Giữ vững tính giai cấp và tính Đảng, văn học cách mạng chỉ được phép làm phấn chấn con người, lạc quan dân tộc, nhất là trong tình huống gay gắt nhất của chiến tranh.
Những lời nói của anh, tôi ghi vào sổ tay, tới nay vẫn còn giữ. Không ngờ mấy tháng sau đó, anh ra Trung ương họp rồi không bao giờ trở lại chiến trường nữa. Hôm nay tôi đến tại mảnh đất quê anh, nơi anh đã làm cách mạng từ buổi đi cày, đi gánh gạo nuôi mẹ, càng thêm nhớ tiếc nhà lãnh đạo kiệt xuất, sản phẩm ưu tú của giai cấp bần cố và của dân tộc, con người mà Nhà trắng phải kiêng nể và O𴭯rơlân chỉ là tên kém tài dưới hạng.
Từ Bến Ngự còn in bóng cụ Phan, chúng tôi tầm về khu vườn nghĩa của Cụ, nơi các đồng chí cách mạng tiền bối Nguyễn Chí Diểu và Hải Triều yên nghỉ, nơi anh Thanh Hải của chúng tôi gần đây cũng vinh dự về đó. Vào một đêm, cùng một người bạn Huế, tôi lại qua cầu Tràng Tiền, nhờ anh chỉ cho tôi biết căn phố nào ngày xưa là hiệu sách Hương Giang. Bất luận căn nhà đó bây giờ thuộc về ai, tôi cũng cần phải được nhìn thấy nó, vì lẽ giữa những ngày đất nước và văn học còn chìm đắm giữa mờ sương tăm tối, từ căn nhà nhỏ hẹp ấy đã vang lên tiếng nói của đồng chí Hải Triều, người chiến sĩ đi tiên phong trên mặt trận văn hóa nghệ thuật, vì lẽ từ cái hiệu sách khiêm tốn ấy đã ra đời những dòng chữ kiên cường đòi nghệ thuật phải hướng tới mục đích cao cả của nó là phục vụ quần chúng nhân sinh, cái hướng mà gần suốt nửa thế kỷ qua, văn học chúng ta nhờ có nó mới làm nên bao điều quý trọng.
Mỗi bước chân đi trên đường phố Huế, tự nhiên tôi nghe vẳng tới những lời thơ Tố Hữu, cất lên từ năm anh mới mười tám đôi mươi, cái năm Huế còn ô uế, cái năm hồn anh quay trong gió bão. Đó là những lời thơ hay nhất, đẹp nhất về Huế và là những lời thơ tiên phong tiên tiến của thơ ca nước ta, của một nhà thơ có lý tưởng sớm hơn hết giữa thời buổi lý tưởng còn quá hiếm hoi. Cái không gian Huế ngày nô lệ ấy nay không còn nữa. Không gian Huế hôm nay đã trong lành. Và trên dòng Hương mà tôi được các bạn văn nghệ Huế dong thuyền cho đi ngoạn cảnh trong một buổi chiều tà đã để lại cho tôi cả một niềm lưu luyến về một dòng sông xanh tươi, long lanh, gợi cảm. Có cài gì làm yên tĩnh lòng tôi, máy mẻ lòng tôi, nhờ dòng nước êm ả trôi qua đôi bờ xóm làng xanh mượt nầy. Trong buổi chiều dịu dàng xuống, tôi cảm như được gần kề một chất gì giống như ngọc, biếc như ngọc, một chất gì thuộc về ngọc. Cái chất đó gợi nên nhiều ước ao mơ tưởng và kỳ lạ thay, dường như ở trên sông, trí nhớ tôi ngược thời gian về bất cứ một vùng kỷ niệm trìu mến thiết tha nào khác cũng được xuyên thấu, và hội tụ dễ dang. Từ úc con thuyền rời bến, lướt đi trên sông, tôi thấy người thơ thới, khỏe ra. Khi đó tôi mới thật hiểu sông Hương là như thế nào đối với Huế, và Huế có sông Hương mới có thể gọi là Huế được. Là một đứa con cũng được sinh ra bên bờ một con sông, Cửu Long Gian, lần đầu tới Huế, tôi thấy đây là một dòng sông mang một vẻ đẹp khác hẳn. Phát nguyên từ chốn non cao, hợp nên bởi hai nguồn Tả Thạch và Hữu Thạch, dòng sông trôi qua một kinh thành xưa và in bóng kinh thành ấy giữa dòng chảy của mình. Sông thì êm ả và trầm mặc, nhưng kinh thành thì đã trải qua bao phong ba bão táp. Dòng sông khác nào một nhân chứng lặng yên tỉnh táo, ngó thấy hết và giữ lại hết mọi biến thiên. Chiều nay trên sông, tôi mơ hồ nghe thơm thoảng một mùi hương, không chắc rằng đó là hương của giống thạch xương hồ hay của các loài hoa thảo tự chốn sơn khê, nhưng thật là có một mùi hương thầm kín mà tôi chỉ có thể gọi đó là hương xứ Huế, ấp ủ trầm tích lâu đời từ lòng sông, từ đôi bờ tươi xanh, nhất là từ con người. Bên dưới làn nước êm trôi của dòng Hương và ở trong cái chiều sâu lắng của tiếng nói Huế nhỏ nhẹ kia đã có lúc tôi chợt nghe ào ạt dâng lên những triều sóng dậy của cả một biển người không thầm lặng chút nào, từng nhất tồ đừng lên trong mùa thu lịch sử bốn mươi năm trước, từng oai hùng đánh chiếm thành trì dài ngày nhất trong Tết Mậu Dần và mùa xuân rạng rỡ cách đây mười năm đã giành lại tất cả, để hôm nay chúng ta có Huế văn vật, trữ tình, đẹp, và thơ đúng nghĩa, để hôm nay từ một vùng quê khác bên bờ Cửu Long tôi được tới Huế, được có một buổi chiều trên dòng Hương, dòng sông mà tôi không thể tìm ra một so sánh nào khác hơn là giống với máitóc con gái mượt mun lượn dài, lúc nào cũng óng ả như còn ở mãi giữa độ xuân thì.
1982

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: www.binhthuan.gov.vn
Được bạn: Thái Nhi đưa lên
vào ngày: 18 tháng 11 năm 2004